

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 100/2002/QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung tên và mức thuế suất của một số nhóm,
mặt hàng trong biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, Cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế thuế nhập khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá X;

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/05/1998;

Sau khi tham khảo ý kiến tham gia của các Bộ, ngành có liên quan và theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung tên, mã số và mức thuế suất của một số nhóm, mặt hàng quy định tại Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định số 1803/1998/QĐ/BTC ngày 11/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Danh mục sửa đổi, bổ sung tên và mức thuế suất của một số nhóm, mặt hàng trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo các Quyết định số 41/2000/QĐ/BTC ngày

17/03/2000, Quyết định số [91/2000/QĐ/BTC](#) ngày 02/06/2000, Quyết định số 193/2000/QĐ/BTC ngày 5/12/2000, Quyết định số [34/2001/QĐ-BTC](#) ngày 18/04/2001, Quyết định số 137/2001/QĐ-BTC ngày 18/12/2001, thành tên và mức thuế mới quy định tại Danh mục sửa đổi, bổ sung tên và mức thuế suất của một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho tất cả các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan Hải quan từ ngày 01 tháng 09 năm 2002. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ./.

DANH MỤC

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TÊN VÀ MỨC THUẾ SUẤT CỦA MỘT SỐ NHÓM MẶT HÀNG TRONG BIỂU THUẾ THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 100/2002/QĐ-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã số			Mô tả nhóm, mặt hàng	Thuế suất
Nhóm	Phân nhóm			(%)
2523			Xi măng poóc-lăng, xi măng có phèn, xi măng xỉ (xốp), xi măng xỉ sun-phát và xi măng đông cứng trong nước tương tự, đã hoặc chưa nhuộm màu hoặc ở dạng cờ-lanh-ke (clinkers)	
2523	10		- Cờ-lanh-ke:	
2523	10	10	- - Cờ-lanh-ke trắng	30
2523	10	90	- - Loại khác	40
			- Xi măng poóc-lăng:	
2523	21	00	- - Xi măng trắng, đã hoặc chưa nhuộm màu nhân tạo	40

2523	29		- - Loại khác:	
2523	29	10	- - - Xi măng đen	40
2523	29	90	- - - Loại khác	40
2523	30	00	- Xi măng có phèn	40
2523	90	00	- Xi măng đông cứng trong nước khác	40
3302			Hỗn hợp các chất thơm và các hỗn hợp (kể cả dung dịch còn) với thành phần chủ yếu gồm một hoặc nhiều chất kể trên dùng làm nguyên liệu thô trong công nghiệp; các chế phẩm khác với thành phần chủ yếu từ các chất thơm làm nguyên liệu để sản xuất đồ uống	
3302	10		- Loại dùng trong sản xuất thực phẩm hoặc sản xuất đồ uống:	
3302	10	10	- - Chế phẩm còn thơm dùng trong công nghiệp sản xuất rượu, dạng lỏng	10
3302	10	20	- - Chế phẩm còn thơm dùng trong công nghiệp sản xuất rượu, ở dạng khác	10
3302	10	90	- - Loại khác	10
3302	90	00	- Loại khác	5
4804			Giấy và bìa kraft không tráng, ở dạng cuộn hoặc tờ, trừ loại thuộc nhóm 4802 hoặc 4803	
			- Giấy gói hàng, loại "kraftliner":	
4804	11	00	- - Loại chưa tẩy	30
4804	19	00	- - Loại khác	30
			- Giấy kraft làm bao:	

4804	21		- - Loại chưa tẩy:	
4804	21	10	- - - Chưa in để làm bao xi măng	3
4804	21	90	- - - Loại khác	15
4804	29		- - Loại khác:	
4804	29	10	- - - Chưa in	10
4804	29	20	- - - Giấy phức hợp đã in	10
4804	29	90	- - - Loại khác	15
			- Giấy và bìa kraft khác có trọng lượng từ 150g/m2 trở xuống:	
4804	31		- - Loại chưa tẩy:	
4804	31	10	- - - Giấy, bìa kraft cách điện	5
4804	31	90	- - - Loại khác	10
4804	39	00	- - Loại khác	10
			- Giấy và bìa kraft khác có trọng lượng trên 150g/m2 nhưng dưới 225g/m2:	
4804	41		- - Loại chưa tẩy:	
4804	41	10	- - - Giấy, bìa kraft cách điện	5
4804	41	90	- - - Loại khác	30
4804	42	00	- - Loại đã tẩy đồng loạt toàn bộ và có tỷ trọng trên 95% tổng trọng lượng sợi là sợi gỗ thu được từ quá trình sản xuất hóa học	30
4804	49	00	- - Loại khác	30
			- Giấy và bìa kraft khác có trọng lượng từ 225g/m2 trở lên:	
4804	51		- - Loại chưa tẩy:	
4804	51	10	- - - Giấy, bìa kraft cách điện	5
4804	51	90	- - - Loại khác	30

4804	52	00	- - Loại đã tẩy đồng loạt toàn bộ và có tỷ trọng trên 95% tổng trọng lượng sợi là loại sợi gỗ thu được từ quá trình sản xuất hóa học	30
4804	59	00	- - Loại khác	30
			Riêng:	
			+ Các loại bìa, carton phẳng dùng làm bao bì, có độ chịu bực từ 3kgf/cm2 trở xuống và độ chịu nén từ 14kgf trở xuống	30
5607			Sợi xe, dây coóc, dây thừng và dây cáp đã hoặc chưa tết hoặc bện, đã hoặc chưa thấm, tẩm, tráng, phủ hoặc bao ngoài bằng cao su hoặc plastic	
5607	10	00	- Từ đay hay các xơ dệt từ vỏ cây khác thuộc nhóm 5303	30
			- Từ xi zan hoặc từ xơ dệt khác của các cây thuộc dòng cây thùa:	
5607	21	00	- - Thừng xoắn để buộc, đóng kiện	30
5607	29	00	- - Loại khác	30
5607	30	00	- Từ xơ chuối (loại xơ gai ma ni la hoặc mu sa) hoặc các loại xơ cứng khác (từ xơ lá cây)	30
			- Từ polyethylen hoặc polypropylen:	
5607	41	00	- - Thừng xoắn để buộc, đóng kiện	20
5607	49	00	- - Loại khác	20
5607	50	00	- Từ xơ tổng hợp khác	20
5607	90	00	- Từ xơ khác	20
7007			Kính an toàn, làm bằng thủy tinh cứng (đã tôi) hoặc thủy tinh đã cán mỏng	